

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 9 – 2017

V/v: “Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Lý Thủy Tiên
2. Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Ma Quang Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về: “Ly hôn và tranh chấp con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Khương Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế B, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Khương Thị N trình bày:

Bà Khương Thị N và ông Nguyễn Thế B sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 1999.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, vào khoảng 5 năm trở lại thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng bất đồng quan điểm. Ông B thường xuyên quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Năm 2016, thường xuyên xúc phạm và đánh đập bà N; vì vậy, bà N đã làm đơn khởi kiện ly hôn, tuy nhiên sau khi Tòa án phân tích để quay về đoàn tụ vợ chồng thì bà N đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Năm 2017, ông B lại tiếp tục quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Điều này làm cho bà N mất lòng tin ở chồng, không còn tôn trọng lẫn nhau; hiện nay mỗi người đều sống cho riêng mình, không vì tình nghĩa vợ chồng.

Nay bà N nhận thấy: khả năng hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng là không thể đạt được, cuộc sống chung giữa hai người không thể kéo dài hơn, tình cảm vợ chồng đã hết; do vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thế B.

Về con chung: Có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Linh C, sinh ngày 28/01/2000 và Nguyễn Thế T, sinh ngày 02/12/2003; bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị N vì xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà N và ông B không đạt được; theo đó, bà N được ly hôn với ông Nguyễn Thế B, giao cháu Nguyễn Thị Linh C, Nguyễn Thế T cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Khương Thị N thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông Nguyễn Thế B có địa chỉ tại huyện Tân Thành; nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn - ông Nguyễn Thế B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, tuy nhiên ông B vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Khương Thị N và ông Nguyễn Thế B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 1999 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà N cương quyết ly hôn, vì cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm. Ông B ngoại tình, không chăm lo cho vợ con, thường xuyên xúc phạm và đánh đập bà N. Từ ngày 30/4/2017, vợ chồng bà N sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông B thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia giải quyết vụ án và hòa giải đoàn tụ; tuy nhiên, ông B không lên Tòa án làm việc. Do vậy, chính sự vắng mặt của ông B nên Tòa án không thể hàn gắn được mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông B.

Trong hồ sơ lưu trữ tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thì: vào năm 2016, bà N khởi kiện ông B về việc ly hôn và trong bản tự khai ngày 14/6/2016 thì ông B đồng ý ly hôn; tuy nhiên, để tạo điều kiện cho ông B quay về đoàn tụ cùng gia đình; bà N đã rút đơn ly hôn, nên ngày 08/7/2016 Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay, bà N vẫn cương quyết ly hôn, vì cho rằng: tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài hơn; theo trình bày của bà N thì từ tháng 4 năm 2017 vợ chồng sống ly thân. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông B là hoàn toàn có cơ sở.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Linh C, sinh ngày 28/01/2001 và Nguyễn Thế T, sinh ngày 02/12/2003; hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với bà N, nguyện vọng của cháu C và cháu T muốn được ở với mẹ và bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con. Ông B không có ý kiến gì về yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà N. Do đó, nay giao cháu C và cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Khương Thị N phải nộp: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khương Thị N về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”;

Về hôn nhân Bà Khương Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thế B;

Về con chung: có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Linh C, sinh ngày 28/01/2001 và Nguyễn Thế T, sinh ngày 02/12/2003. Trên cơ sở nguyện vọng của các con và yêu cầu của bà N, nay giao cháu C và cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B được quyền đến thăm và chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Khương Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003802 ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành; bà N đã nộp xong.

Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp, bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Sông Xoài,
huyện Tân Thành, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

Cao Xuân Long